TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/KDTM-ST
Ngày 22 – 9 – 2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và bà Phạm Thị Liễu.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Thượng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân *huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Liên là Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2020/TLST-KDTM ngày 10 tháng 6 năm 2020, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-KDTM ngày 31 tháng 5 năm 2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2021/TB-TA ngày 14 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín; địa chỉ trụ sở tại số nhà 266 – 268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Đức Thạch D (Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín), người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1990 (địa chỉ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Long Khánh – Phòng giao dịch Phương Lâm, có địa chỉ tại đường quốc lộ 20 ấp Thanh Thọ 1, xã Phú Lâm, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai).
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 19..; nơi cư trú tại số nhà 21/10, tổ 5, ấp Thọ Lâm 1, xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:* Bà Đinh Thị L, sinh năm 19.. (cùng nơi cư trú với bị đơn).

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện ngày 17 tháng 3 năm 2020 và ý kiến của bên nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Bị đơn ông Nguyễn Đình H đã vay tài sản theo hợp đồng tín dụng số LD1814400046 ngày 25/5/2018 với nguyên đơn: Bị đơn vay tiền sử dụng kinh doanh, lãi trả mỗi tháng, trả tiền vay nợ gốc 80.000.000đồng mỗi năm; thời hạn vay

60 tháng; lãi suất 1%/tháng trong 03 tháng đầu tiên, từ tháng thứ 4 lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VNĐ kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 0,37%/tháng;

Bị đơn nhận tiền vay 400.000.000đồng vào ngày 29/5/2018 sau khi có hợp đồng thế chấp thửa đất số 19, tờ bản đồ số 15, thuộc xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Đinh Thị L, số CN 398476, diện tích thửa đất 1496,6m^2). Hợp đồng này có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai theo quy định pháp luật.

Ngày 29/5/2019 bị đơn trả tiền vay nợ gốc được 80.000.000đồng và tiền lãi. Sau thời điểm này bị đơn không trả tiền vay theo hợp đồng.

Ngày 22/9/2021, bên nguyên đơn có văn bản đề nghị: Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bên nguyên đơn, rút yêu cầu khởi kiện về tính tiền dư nợ thẻ tín dụng là 21.874.734 đồng và tiền lãi thẻ tín dụng 12.937.494 đồng; chỉ yêu cầu bị đơn phải trả tiền vay nợ gốc 320.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 56.087.290 đồng, tiền lãi quá hạn 23.857.910 đồng), tiền phí chậm trả lãi là 414.591 đồng (tổng cộng là 400.359.791 đồng).

** Ý kiến của bị đơn và đương sự bà Đinh Thị L đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Từ ngày nguyên đơn khởi kiện đến nay thì bị đơn và bà Đinh Thị L không đến Tòa án tham gia tố tụng, Tòa án xác minh tại địa phương thì họ không có mặt tại nơi cư trú nên Tòa án đã có Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 11/2020/QĐST-VDS ngày 01/12/2020 về việc tìm ông Nguyễn Đình H vắng mặt nơi cư trú.

** Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú như sau:*

Về quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng, thẩm quyền thụ lý vụ án, thu thập bổ sung chứng cứ, thủ tục hòa giải, tống đạt văn bản theo quy định: Khoản 5 Điều 30; khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 68; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 174 đến Điều 178 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát để nghiên cứu đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự; về thời hạn chuẩn bị xét xử đã vi phạm điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn tuân thủ đúng quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân thủ quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Đình H có vay của Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín 400.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng ngày 25/5/2018. Tính đến ngày 12/4/2021 ông H còn nợ Ngân hàng 434.255.236 đồng.

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Đình H phải

trả số tiền nợ Ngân hàng là 399.555.118 đồng; đương sự phải nộp án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

* Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú ngày 09/3/2021 đối với tài sản có tranh chấp trong vụ án đã được bên bị đơn thế chấp với nguyên đơn để vay tài sản; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự (tìm người vắng mặt nơi cư trú đối với ông Nguyễn Đình H) số 11 ngày 01/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án:

[1] Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong vụ án, người tham gia tố tụng và quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án:

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín khởi kiện vụ án về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với người bị kiện là ông Nguyễn Đình H thì Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín là nguyên đơn và ông H là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tài sản thế chấp như trên là tài sản của bà Đinh Thị L thì bà là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là quan hệ pháp luật "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 5 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm; Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn và bà L đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng họ vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến, quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Đến ngày 22/9/2021 nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả tiền vay nợ gốc là 320.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 56.087.290 đồng, tiền lãi quá hạn 23.857.910 đồng), tiền phí chậm trả lãi 414.591 đồng (tổng cộng là 400.359.791 đồng).

Theo chứng cứ vụ án: Bị đơn đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật đối với tài sản thế chấp với bên nguyên đơn để vay tiền theo hợp đồng tín dụng nêu trên, bị đơn đã nhận tiền vay của nguyên đơn 400.000.000 đồng, đến ngày 29/5/2019 bị đơn đã trả tiền vay nợ gốc được 80.000.000đồng và tiền lãi. Sau thời gian này bị đơn không trả tiền vay theo hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Như vậy bị đơn đã xâm phạm quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nguyên đơn khởi kiện vụ án phù hợp với Điều 186 và điểm g khoản 4 Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Hợp đồng giữa các đương sự được xác lập ngày 25/5/2018, bị đơn đã vi phạm nội dung hợp đồng. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, khoản 5 Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 470, Điều 688, Điều 689 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và

khoản 16 Điều 4, Điều 91 (về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng), khoản 1 và khoản 2 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để tính lãi về hợp đồng tín dụng trong tranh chấp kinh doanh thương mại.

Khi nghị án Hội đồng xét xử đã thảo luận, thống nhất ý kiến chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp chứng cứ vụ án, pháp luật được nhận định như trên và quy định tại điểm b khoản 2 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn phải có trách nhiệm trả tiền vay đối với nguyên đơn về tiền vay nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn, tiền phí được tính tổng cộng là 400.359.791 đồng (tính tròn là 400.360.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Đình H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng đến khi thanh toán xong tiền vay nợ gốc. Tại hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín nên lãi suất mà ông H phải tiếp tục thanh toán với nguyên đơn theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

Đối với hợp đồng thế chấp tài sản của bà Đinh Thị L: Bà L đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà là người có quyền sở hữu tài sản, bà đồng ý thế chấp tài sản với nguyên đơn để bị đơn được vay tiền của nguyên đơn. Xét hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm hợp pháp nên có hiệu lực pháp luật để các đương sự thực hiện hợp đồng. Trường hợp bị đơn không thi hành theo Bản án thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thi hành Bản án theo quy định của pháp luật và xử lý tài sản thế chấp nêu trên.

Nguyên đơn đề nghị rút yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về phần trả tiền nợ gốc trong thẻ tín dụng cùng tiền lãi mà bị đơn đã sử dụng thì Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu này của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về chi phí tố tụng:

Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tranh chấp kinh doanh, thương mại là 20.000.000đồng + 4% x (400.360.000đồng - 400.000.000đồng) bằng 20.014.400đ (được tính tròn là 20.014.000 đồng) theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên nguyên đơn được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.095.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 006301 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (bút lục số 78).

[4] Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là phù hợp với các chứng cứ vụ án và pháp luật của Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 186 và điểm g khoản 4 Điều 189, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, khoản 1 khoản 5 Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 470, Điều 688, Điều 689 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 16 Điều 4, Điều 91, khoản 1 và khoản 2 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với ông Nguyễn Đình H.

Ông Nguyễn Đình H phải có trách nhiệm thanh toán tiền vay nợ gốc, tiền lãi, tiền phí tổng cộng là 400.360.000đ (bốn trăm triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng) đối với nguyên đơn (Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Đình H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đến khi thanh toán xong tiền vay nợ gốc (tại hợp đồng tín dụng thì các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín nên lãi suất mà ông Huy phải tiếp tục thanh toán với nguyên đơn theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín).

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả tiền nợ gốc trong thẻ tín dụng cùng tiền lãi.

2. Trường hợp bị đơn không thi hành theo Bản án thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thi hành Bản án theo quy định của pháp luật và xử lý tài sản của bà Đinh Thị L thế chấp với nguyên đơn là thửa đất số 19, tờ bản đồ địa chính số 15, thuộc địa bàn hành chính xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (diện tích thửa đất là 1496,6m^2).

3. Bị đơn Nguyễn Đình H phải chịu 20.014.000đ (hai mươi triệu, không trăm mười bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.095.000đ (chín triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí số 006301 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày Tòa án tống đạt Bản án hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Võ Kim Đính